

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2024

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Nông Thị Giới

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1982 (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Đình T trình bày:

Ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, tỉnh Cà Mau và đều kết hôn lần đầu. Sau khi hết hôn ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M cùng chung sống với nhau tại tổ 06, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nay ông Phạm Đình T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Quá trình chung sống ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M có 01 con chung tên Phạm Quang H1, sinh ngày 26/12/2005, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập bà Nguyễn Thị M lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm có cơ sở giải quyết vụ án, nhưng bà Nguyễn Thị M không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đồng thời, Tòa án đã T hành triệu tập bà Nguyễn Thị M tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị M không tham gia, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2024 tại ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước xác định: Ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Tổ 06, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống có 01 con chung hiện đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Về mâu thuẫn hôn nhân, ông T và bà M có xảy ra cãi vã, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, có nghe thông tin liên quan đến việc bà M chơi cá độ, bài bạc dẫn đến nợ nần, nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Hiện ông T và bà M đã ly thân, bà M đã dọn ra ngoài ở riêng, không cùng chung sống với ông T nữa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 06, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M tự

nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, tỉnh Cà Mau, theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân, nay ông Phạm Đình T không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị M để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Đình T, cho ông Phạm Đình T ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Phạm Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phạm Đình T. Ông Phạm Đình T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông Phạm Đình T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002058 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Minh Nông Thị Giới

Trần Ngọc Mai Phương